



Mã số: 260603/1228:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 13 tháng 06 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HTX TM TP.HCM – CO.OPMART NGUYỄN BÌNH
- Địa chỉ: 18 Nguyễn Bình, xã Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT9.260603	0603/NT/U-COM-NB/1: Sau hệ thống xử lý nước thải (Tọa độ: X = 1180587; Y = 607682)

4. Ngày lấy mẫu: 03/06/2026

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT9.260603	
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492:2011	7,44	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	18	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5,0)	100
4	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	KPH (MDL=1,0)	20
5	TDS ^{(a)(b)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	152	1.000
6	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	4
7	P _{PO₄³⁻} ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	0,78	10
8	N _{NO₃⁻} ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,19	50
9	N _{NH₄⁺} ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	3,78	10
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,06)	10
11	Coliform ^(c)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	5.000

Ghi chú: Dấu (--): không quy định; KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện

Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo



KT. Giám Đốc

Tạ Công Uẩn

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường; Dấu (c): Chỉ tiêu do NTP – Vimecert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm